

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HS-ST

Ngày: 14-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Châm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Bửu Hòa

Bà Lê Thị Cúc Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà **Sơn Thị Hoa Lan** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân L**- Kiểm sát viên.

- Công chức Tòa án hỗ trợ tổ chức phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần: Ông **Đặng Văn Thi**-Thư ký.

- Công chức Tòa án hỗ trợ tổ chức phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh: Ông **Nguyễn Hữu Sang**-Kế toán.

- Công chức Tòa án hỗ trợ tổ chức phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân huyện Trà Cú: Ông **Trần Văn Tấn**-Thẩm phán.

Ngày 14 tháng 12 năm 2022, tại 03 điểm cầu: Điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh và 02 điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh và trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh mở phiên xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 02/2022/TLST-HS ngày 28-10-2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HS ngày 30-11-2022 đối với bị cáo:

Trần Thị Ngọc M, sinh ngày 19-01-1998; Tại huyện Ba Tr, tỉnh Bến Tr; Nơi cư trú: Ấp Đâu Gi B, xã Phước H, huyện Trà C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Văn Bé T**, sinh năm 1975 (còn sống) và bà **Trần Thị T**, sinh năm 1975 (còn sống); chồng tên **Huỳnh Văn L**, sinh năm 1992, bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án: 01 tiền án: Ngày 13/10/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tuyên phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi

khỏi nơi cư trú từ ngày 20/7/2022 cho đến nay (Bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phạm Thanh Ph, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh (Có mặt tại điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị T, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp Đầu Gi B, xã Phước H, huyện Trà C, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 20/6/2022, bị cáo nảy sinh ý định mua ma túy đá để sử dụng nên bị cáo sử dụng điện thoại di động, hiệu OPPO, màu xanh, có số thuê bao 0344.203.312 gọi qua mạng xã hội Zalo cho đối tượng L ở xã Ngãi Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh để hỏi mua ma túy đá được đối tượng L đồng ý và kêu bị cáo xuống chỗ công đang thi công thuộc ấp Chánh Hội B, xã Ngãi Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh để giao dịch mua bán ma túy đá. Đến khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo điều khiển xe mô tô, hiệu Yamaha, kiểu Sirius, màu đen xanh, biển kiểm soát 84G1-356.71 của bà Trần Thị T, sinh năm 1975, ngụ Ấp Đầu Gi B, xã Phước H, huyện Trà C, tỉnh Trà Vinh, chở theo con gái tên Trần Thị Thúy Vy, sinh ngày 10/12/2020, đến ấp Chánh Hội B, xã Ngãi Hùng gặp đối tượng L. Khi gặp đối tượng L, bị cáo đưa cho đối tượng L số tiền 600.000 đồng và đối tượng L đưa cho bị cáo 02 (hai) gói nylon ma túy đá, bị cáo cất giấu vào một bóp da, màu nâu rồi treo vào ốc gương chiếu hậu bên phải của xe mô tô. Sau đó, bị cáo điều khiển xe ra hướng chợ Ngãi Hùng trên Hương lộ 38. Khi đến ấp Ngãi Chánh, xã Ngãi Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh thì bị lực lượng Công an kiểm tra, bắt quả tang bị cáo có hành vi tàng trữ 02 (hai) gói nylon trong suốt, bên trong gói có chứa nhiều hạt tinh thể rắn trong suốt được hàn kín, nghi là chất ma túy.

Sau khi thu giữ, cơ quan Công an tiến hành niêm phong các gói nylon trên và tiến hành trưng cầu giám định. Tại kết luận giám định số 352/KL-KTHS ngày 23/6/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh, kết luận: Tinh thể rắn trong suốt chứa trong 02 (hai) gói nylon, được niêm phong gửi giám định đều là ma túy, loại Methamphetamine; tổng khối lượng: 0,3704 gam. Qua làm việc, bị cáo khai nhận số ma túy mà cơ quan Công an thu giữ chính là ma túy của bị cáo mua của đối tượng L nhằm mục đích sử dụng.

Về vật chứng, đồ vật, tài liệu thu giữ gồm có:

- 01 (một) bóp da, màu nâu, bên trong bóp da có 02 (hai) gói nylon trong suốt, bên trong gói có chứa nhiều hạt tinh thể rắn trong suốt được hàn kín, nghi là chất ma túy, được niêm phong và tiền Việt Nam 7.100.000 đồng.

- 01 (một) xe mô tô, hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen xanh, biển kiểm soát 84G1-356.71, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động, hiệu OPPO, màu xanh, có số thuê bao 0344.203.312, đã qua sử dụng.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Ngọc M khai đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Phần tranh luận, vị đại diện Viện kiểm sát rút lại tình tiết định khung tại điểm a khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, chuyển sang áp dụng tình tiết tăng nặng, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc M từ 18 tháng đến 24 tháng tù và áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của bản án số 57/2020/HS-ST ngày 13/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, đang nuôi con nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần đã ra Quyết định xử lý vật chứng: Trả lại cho bà Trần Thị T 01 (một) xe mô tô, hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen xanh, biển kiểm soát 84G1-356.71; 01 (một) điện thoại di động, hiệu OPPO, màu xanh, có số thuê bao 0344.203.312 và số tiền 7.100.000 đồng, nên đề nghị không xem xét.

Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy tinh thể rắn trong suốt là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng còn lại sau giám định là 0,3191 gam được để trong phong bì niêm phong số 352/M và 01 (một) bóp da (loại nhỏ) hai ngăn, có dây kéo, màu nâu, đã qua sử dụng của bị cáo.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bà Trần Thị T có ý kiến trình bày như sau: Bà là mẹ ruột của bị cáo, chiếc xe mô tô, hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen xanh, biển kiểm soát 84G1-356.71; 01 (một) điện thoại di động, hiệu OPPO, màu xanh, có số thuê bao 0344.203.312 và số tiền 7.100.000 đồng là tài sản của bà. Bị cáo lấy đi chơi không có hỏi mượn bà, sau đó bị cáo sử dụng xe của bà thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy thì bà không biết. Bà đã nhận lại xe mô tô, hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen xanh, biển kiểm soát 84G1-356.71; 01 (một) điện thoại di động, hiệu OPPO, màu xanh, có số thuê bao 0344.203.312 và số tiền 7.100.000 đồng nên bà không yêu cầu gì.

Ý kiến của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo: Trợ giúp viên pháp lý đồng ý với cáo trạng của Viện kiểm sát huyện Tiểu Cần truy tố bị cáo Trần Thị Ngọc M theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là

đúng. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, chồng đã ly hôn, bị cáo đang nuôi 03 con nhỏ, vì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo hình phạt tù ở mức thấp nhất mà vị đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị để bị cáo sớm về lo cho con nhỏ, về án phí đề nghị miễn toàn bộ cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để sớm về với con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo và người bào chữa không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Đối với bà Trần Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, không ảnh hưởng giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Tiến theo quy định pháp luật.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Tiểu Cần, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 20/6/2022, bị cáo điều khiển xe mô tô, hiệu Yamaha, kiểu Sirius, màu đen xanh, biển kiểm soát 84G1-356.71 đến ấp Chánh Hội B, xã Ngãi Hùng gặp đối tượng L mua 02 (hai) gói nylon ma túy đá, với giá 600.000 đồng, bị cáo cất giấu 02 (hai) gói nylon ma túy đá vào một bóp da, màu nâu rồi treo vào ốc gương chiếu hậu bên phải của xe mô tô. Sau đó, bị cáo điều khiển xe ra hướng chợ Ngãi Hùng trên Hương lộ 38. Khi đến ấp Ngãi Chánh, xã Ngãi Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh thì bị lực lượng Công an kiểm tra, bắt quả tang bị cáo có hành vi tàng trữ 02 (hai) gói nylon trong suốt, bên trong gói có chứa nhiều hạt tinh thể rắn trong suốt đều là ma túy, loại Methamphetamine với khối lượng ma túy là 0,3704 gam, đúng như cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án như các biên bản hoạt động điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 20/6/2022, bị cáo có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, loại Methamphetamine, với tổng khối lượng là 0,3704 gam. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên

tòa, vị đại diện Viện kiểm sát rút lại tình tiết định khung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự và đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố đối với bị cáo ra trước tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy mà còn xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội và gây dư luận xấu tại địa phương làm ảnh hưởng đặc biệt xấu đến sức khỏe và khả năng lao động của con người, bị cáo đã 01 lần bị Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xét xử 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm, nên bản thân bị cáo nhận thức đầy đủ về tác hại của chất ma túy nhưng không biết sửa chữa bản thân để từ bỏ mà tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy. Để phòng ngừa và đấu tranh với loại tội phạm về ma túy tại địa phương hiện nay và để tạo điều kiện cho bị cáo có đủ thời gian cải tạo bản thân từ bỏ ma túy trở thành con người tốt, có ích cho gia đình và xã hội nên cần xử lý áp dụng hình phạt tù như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát mới đủ sức răn đe và phòng ngừa tội phạm. Do bị cáo có 01 tiền án và phạm tội khi đang trong thời gian thử thách của bản án số: 57/2020/HS-ST ngày 13/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, nên chuyển hình phạt 02 năm tù cho hưởng án treo thành hình phạt 02 năm tù và áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai bản án.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tiền án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, phạm tội với lỗi cố ý ở khung hình phạt nghiêm trọng, nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý ở khung hình phạt nghiêm trọng, nên lần phạm tội này, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết tăng nặng là tái phạm, được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Từ khi bị khởi tố, điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, gia đình thuộc diện hộ cận nghèo, bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, đang nuôi con nhỏ, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần đã ra Quyết định xử lý vật chứng: Trả lại cho bà Trần Thị T 01 (một) xe mô tô, hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen xanh, biển kiểm soát 84G1-356.71; 01 (một) điện thoại di động, hiệu OPPO, màu xanh, có số thuê bao 0344.203.312 và số tiền 7.100.000 đồng, nên không xem xét.

Đối với tinh thể rắn trong suốt là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng còn lại sau giám định là 0,3191 gam được để trong phong bì niêm phong số 352/M, 01 (một) bóp da (loại nhỏ) hai ngăn, có dây kéo, màu nâu, đã qua sử dụng của bị cáo, cần tịch thu tiêu hủy theo quy định pháp luật.

[8] Về án phí hình sự: Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên miễn toàn bộ án phí cho bị cáo theo quy định.

[9] Đối với đối tượng L, có dấu hiệu của tội Mua bán trái phép chất ma túy, tuy nhiên cơ quan điều tra chưa đủ cơ sở để xử lý. Do đó, cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

[10] Bà Trần Thị T không biết bị cáo sử dụng điện thoại và xe mô tô của mình để thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nên không có cơ sở để xử lý.

[11] Xét thấy, tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát rút tình tiết định khung tại điểm a khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự và đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đồng thời, đề nghị mức hình phạt, vật chứng vụ án, án phí là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Xét thấy, ý kiến đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị Ngọc M phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, và các Điều 38, 50, 56 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc M 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 02 năm tù cho hưởng án treo tại bản án số: 57/2020/HS-ST ngày 13/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh thành hình phạt 02 năm tù. Buộc bị cáo Trần Thị Ngọc M phải chấp hành hình phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy tinh thể rắn trong suốt là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng còn lại sau giám định là 0,3191 gam được để trong phong bì niêm phong số 352/M và 01 (một) bóp da (loại nhỏ) hai ngăn, có dây kéo, màu nâu, đã qua sử dụng.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Thị Ngọc M theo quy định của pháp luật.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án

hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- CA huyện Tiểu Cần;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mỹ Chấm

